

Bản án số: 318/2019/DS - ST
Ngày: 30 - 7 - 2019
Về việc: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN TÂN BÌNH, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Tiến Quang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Phục
2. Ông Nguyễn Bảo Lâm

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Hoàng Yến - Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Lê Hà – Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 7 năm 2019, tại phòng xử án Tòa án nhân dân quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 458/2018/TLST-DS ngày 17/9/2018 về việc: “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2019/QĐXXST - DS ngày 12/6/2019 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng TMCP V.

Địa chỉ: 89 Láng H, phường L, quận Đ, thành phố Hà Nội.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Ngô Chí D, sinh năm 1968 – Chủ tịch hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Trần Lê Thị Kỳ D, sinh năm 1995, theo văn bản ủy quyền số 113/2018/UB – GDK - TDTD ngày 22/8/2018 của Ngân hàng TMCP V. (bà Duyên có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: Tầng 8, Tòa nhà Cộng hòa Garden, số 20 Cộng Hòa, Phường 12, quận Tân Bình, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Bà Hồ Xuân H, sinh năm 1978 (vắng mặt).

Địa chỉ: S11 đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 của Ngân hàng TMCP V và các bản tự khai của bà Trần Lê Thị Kỳ D là người đại diện theo ủy của nguyên đơn trình bày: Ngày 24/8/2013, Ngân hàng TMCP V (gọi tắt là Ngân hàng) và bà Hồ Xuân H (gọi tắt là bà H) ký kết Hợp đồng tín dụng số 20130824 – 500000 - 0034 ngày 24/8/2013 với nội dung:

Ngân hàng cho bà H vay số tiền 99.750.000đ, lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng. bà H có trách nhiệm trả gốc và lãi là 185.178.000đ, trả chậm liên tiếp trong 36 tháng, 35 tháng đầu, mỗi tháng 5.095.000đ, tháng cuối cùng trả 6.853.000đ. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Bắt đầu thực hiện từ ngày 01/10/2013.

Thực hiện hợp đồng, bà H đã nhận đủ số tiền 99.750.000đ và đã thanh toán cho Ngân hàng số tiền nợ gốc và lãi là 164.555.000đ. Đến ngày 07/9/2016 thì bà H không tiếp tục thanh toán tiền gốc và lãi cho Ngân hàng theo thỏa thuận. Số tiền bà H còn phải thanh toán theo thỏa thuận của hợp đồng: 185.178.000đ - 164.555.000đ = 20.623.029đ

Nay Ngân hàng khởi kiện, buộc bà H thanh toán toàn bộ nợ gốc: 19.359.768đ và lãi suất theo hợp đồng: 263.232đ, tổng cộng: 20.623.029đ (thanh toán đủ 36 kỳ theo hợp đồng) ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngoài số tiền yêu cầu trên, Ngân hàng không yêu cầu bà H phải tiếp tục trả bất kỳ khoản lãi phát sinh nào khác.

Theo bản tự khai ngày 13/12/2018 của bị đơn - bà Hồ Xuân H trình bày: Ngày 24/8/2013, bà có ký hợp đồng tín dụng với Ngân hàng để vay số tiền 99.750.000đ, lãi suất 3.75%/năm để tiêu dùng cá nhân. Bà đã đóng 2 năm 8 tháng với số tiền 5.000.000đ mỗi tháng, nhưng nay bà gặp khó khăn nên đã ngưng trả số tiền còn lại khoảng 4 tháng. Đối với yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng buộc bà thanh toán toàn bộ nợ gốc là 19.359.768đ và lãi suất 1.263.232đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Bà có ý kiến: Đề nghị Ngân hàng cho bà thanh toán mỗi tháng 2.000.000đ.

Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, nhưng bà H không đến tòa để tham phiên họp và hòa giải.

Tại phiên tòa.

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn – bà Trần Lê Thị Kỳ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn – bà Hồ Xuân H vắng mặt.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Tân Bình phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý, giải quyết Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã làm đúng và đầy đủ thủ tục tố tụng theo quy định của pháp luật.

Về nội dung: Theo các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền 20.623.000đ gồm: 19.359.768đ tiền gốc và 1.263.232đ tiền lãi là có căn cứ. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Tòa án nhân dân quận Tân Bình nhận định:

[1] Về thẩm quyền: Căn cứ đơn khởi kiện ngày 22/8/2018 của Ngân hàng TMCP V, Giấy đề nghị vay vốn kiêm hợp đồng tín dụng số 20130824 – 500000 - 0034 ngày 24/8/2013 giữa Ngân hàng với bà H và kết quả xác minh của Công an

phường A, quận T, thể hiện bà Hồ Xuân H, sinh năm 1978, thực tế cư trú tại S11 đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Tân Bình, theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Đại diện ủy quyền của nguyên đơn - bà Trần Lê Thị Kỳ D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Quá trình giải quyết vụ án, bà H đã đến Tòa án để tự khai và cung cấp địa chỉ cư trú tại: S11 đường T, Phường A, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh, nhưng sau đó không đến Tòa án để tham gia phiên họp công khai chứng cứ và hòa giải. Do đó, Tòa án nhân dân quận T đã tiến hành niêm yết Giấy triệu tập; Thông báo về phiên họp kiểm tra, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa. Lần thứ nhất ngày 08/7/2019, lần thứ hai ngày 30/7/2019, nhưng bà H vẫn vắng mặt.

Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt các đương sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền là 20.623.029đ gồm: 19.359.768đ tiền gốc và 1.263.232đ tiền lãi ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật. Ngân hàng không yêu cầu bà H phải tiếp tục trả bất kỳ khoản lãi phát sinh nào khác. Tòa án xét thấy:

Căn cứ vào bản sao các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do nguyên đơn cung cấp thì Ngân hàng và bà H ký kết Hợp đồng tín dụng số 20130824-500000-0034 ngày 24/8/2013. Nội dung: bà H vay Ngân hàng số tiền 99.750.000đ, lãi suất 3.75%/tháng, mục đích vay để tiêu dùng cá nhân, thời hạn vay là 36 tháng, 35 tháng đầu, mỗi tháng thanh toán 5.095.000đ, tháng thứ 36 thanh toán 6.853.000đ. Thanh toán vào ngày 01 hàng tháng. Tổng số tiền bà H phải thanh toán cho 36 tháng là 185,178.000đ.

Thực hiện hợp đồng bà H đã nhận số tiền vay là 99.750.000đ, sau đó bà H đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán. Cụ thể: Tính đến ngày 07/9/2016, bà H đã thanh toán được tổng số tiền là 164.554.971đ. Nay Ngân hàng buộc bà H thanh toán nợ gốc là 19.359.768đ và lãi suất 1.263.232đ, tổng cộng 20.623.029đ.

Theo bản tự khai ngày 13/12/2018 thì bà H xác nhận có ký hợp đồng tín dụng ngày 24/8/2013 với Ngân hàng để vay số tiền 99.750.000đ, lãi suất 3.75%/năm để tiêu dùng cá nhân. Bà đã đóng 2 năm 8 tháng với số tiền 5.000.000đ mỗi tháng, nhưng do bà gặp khó khăn nên đã ngưng trả số tiền còn lại. Bà xác nhận chưa thanh toán nợ gốc là 19.359.768đ và lãi suất 1.263.232đ, tổng cộng 20.623.029đ cho Ngân hàng.

Từ lời thừa nhận của bà H và những căn cứ nêu trên, Tòa án xét thấy, yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng về việc buộc bà H thanh toán nợ gốc và nợ lãi tổng cộng là 20.623.029đ gồm: 19.359.768đ tiền gốc và 1.263.232đ ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, không trái quy định của pháp luật, nên chấp nhận.

Xét, việc Ngân hàng không yêu cầu bà H phải tiếp tục trả bất kỳ khoản lãi phát sinh nào theo hợp đồng là có lợi cho bị đơn, nên ghi nhận.

[4] Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Bà Hồ Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn mà được Tòa án chấp nhận là 1.031.152đ. Hoàn lại Ngân hàng số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 515.575đ.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Điểm b khoản 1 Điều 227; Khoản 3 Điều 228 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự 2015;

Căn cứ Điều 463, 466 Bộ luật dân sự;

Căn cứ Điều 91 Luật Tổ chức tín dụng;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ban hành ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của Ngân hàng TMCP V.

Bà Hồ Xuân H có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP V số tiền nợ gốc là 19.359.768đ (mười chín triệu ba trăm năm mươi chín ngàn bảy trăm sáu mươi tám đồng) và lãi suất là 1.263.232đ (một triệu hai trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm ba mươi hai đồng), tổng cộng 20.623.029đ (hai mươi triệu sáu trăm hai mươi ba ngàn không trăm hai mươi chín đồng) theo Hợp đồng tín dụng số 20130824-500000-0034 ngày 24/8/2013 giữa Ngân hàng TMCP V và bà Hồ Xuân H.

Thời hạn thanh toán: Ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Về án phí: Bà Hồ Xuân H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 1.031.152đ (một triệu không trăm ba mươi một ngàn một trăm năm mươi hai đồng). Hoàn lại Ngân hàng TMCP V số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 515.575đ (năm trăm mười lăm ngàn năm trăm bảy mươi lăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2017/0008999 ngày 07/9/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Tân Bình.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b, 9 Luật Thi hành án Dân

sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên Tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt, niêm yết hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND quận Tân Bình, TP.HCM;
- Chi cục THADS quận Tân Bình, TP.HCM;
- Lưu: Hồ sơ.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Tiến Quang